

Số: 265/2020/QĐST-HNGĐ

Đại Từ, ngày 11 tháng 12 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 395/2020/TLST - HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2020 giữa:

Nguyên đơn: Anh Lê Anh Đ, sinh năm 1985

Trú tại: xóm 3, xã V, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Bị đơn: Chị Phạm Thị Bích T, sinh năm 1986

Trú tại: xóm C, TT H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ vào Điều 55, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; điểm d khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 03 tháng 12 năm 2020.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 03 tháng 12 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo Đ xã hội. Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Lê Anh Đ và chị Phạm Thị Bích T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Anh Đ và chị Phạm Thị Bích T đều xác định tình cảm vợ chồng không còn và nhất trí thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục hai con chung là Lê Anh T1 sinh ngày 19/01/2013 và Lê Bảo C sinh ngày 16/01/2015 cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Chị T có quyền đi lại thăm nom con chung. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung và các khoản cho vay: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự trước khi Tòa án hòa giải như sau:

- Anh Đ và chị T tự nguyện cho hai con là Lê Anh T1 sinh ngày 19/01/2013 và Lê Bảo C sinh ngày 16/01/2015 thừa đất số 635, tờ bản đồ số 18, diện tích 96 m² đất ở tại nông thôn. Địa chỉ thửa đất tại xã V, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, không có tài sản trên đất. Đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CĐ

515407 do Sở tài nguyên và môi trường cấp ngày 23/5/2016 mang tên chị Phạm Thị Bích T và anh Lê Anh Đ. Tạm giao cho anh Đ quản lý diện tích đất trên và anh Đ có trách nhiệm sang tên cho hai con chung khi các con chung tròn 18 tuổi.

- Anh Đ sử dụng 360m² đất tại thửa đất số 362, tờ bản đồ số 46, diện tích 603 m² đất trồng lúa nước. Địa chỉ thửa đất tại thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, không có tài sản trên đất. Đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CQ 130710 do Sở tài nguyên và môi trường cấp ngày 25/4/2019 mang tên anh Lê Anh Đ.

- Chị T sử dụng:

+ Diện tích 243m² đất tại thửa đất số 362, tờ bản đồ số 46, diện tích 603 m² đất trồng lúa nước (phần đất của chị T giáp với thửa đất số 487, tờ bản đồ số 46, diện tích 484 m² đất trồng lúa nước). Địa chỉ thửa đất tại thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, không có tài sản trên đất. Đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CQ 130710 do Sở tài nguyên và môi trường cấp ngày 25/4/2019 mang tên anh Lê Anh Đ.

+ Thửa đất số 21, tờ bản đồ số 41, diện tích 426 m² đất trồng cây lâu năm. Địa chỉ thửa đất tại thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, không có tài sản trên đất. Đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL 286797 do Sở tài nguyên và môi trường cấp ngày 06/7/2016 mang tên anh Lê Anh Đ.

+ Thửa đất số 487, tờ bản đồ số 46, diện tích 484 m² đất trồng lúa nước. Địa chỉ thửa đất tại thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, không có tài sản trên đất. Đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CQ 130712 do Sở tài nguyên và môi trường cấp ngày 25/4/2019 mang tên anh Lê Anh Đ.

+ Thửa đất số 638, tờ bản đồ số 46, diện tích 100 m² đất ở tại đô thị. Địa chỉ thửa đất tại thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, không có tài sản trên đất. Đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CQ 130711 do Sở tài nguyên và môi trường cấp ngày 25/4/2019 mang tên chị Phạm Thị Bích T.

Các tài sản khác phục vụ sinh hoạt gia đình do anh Đ và chị T tự thỏa thuận phân chia.

Nợ chung và tài sản cho vay: không có.

- Về án phí: Anh Lê Anh Đ tự nguyện nộp 150.000đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, chị T nhất trí; hoàn trả anh Đ 150.000đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí. Chuyển từ tiền tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ - Biên lai thu tiền số 0013635 ngày 17/11/2020.

Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- UBND cấp xã ;
- Lưu hồ sơ.

Thẩm phán

Nguyễn Hồng Mây

